

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:07/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu.

2. Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Văn Ngọc Hân, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Như Y, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 238/8, Ấp 5, xã B, huyện K, tỉnh S. (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Quách Huy C**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 19D11, Khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/7/2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 6 năm 2017 bà Y, ông C có kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh S vào ngày 17/4/2017. Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau

và ông bà đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình chung sống ông bà không có con chung, về tài sản chung và nợ chung cũng không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Quách Huy C.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/10/2018, kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ là 01 giấy CMND tên Lê Thị Như Y (bản photo có chứng thực), 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ Lê Văn T (bản photo có chứng thực), 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn có tên Lê Thị Như Y – Quách Huy C.

Chứng cứ Tòa án thu thập gồm thông báo về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn Quách Huy C số 181/TB-TA ngày 15/8/2018, biên bản xác minh ngày 04/9/2018 tại ban nhân dân khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, biên bản xác minh ngày 04/9/2018 tại Công an phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, biên bản lấy lời khai của Bà Lê Thị Như Y ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S, biên bản lấy lời khai của bà Quách Ngọc H ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

Đối với bị đơn ông Quách Huy C, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có giao nộp thêm chứng cứ gì khác.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S là ở địa phương không có thông tin gì về tình trạng hôn nhân cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà Y và ông C.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu của Bà Lê Thị Như Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện

Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Quách Huy C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Y và ông C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, do đó việc ông bà tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Đối với hôn nhân của ông bà, ngay từ đầu mâu thuẫn phát sinh không lớn nhưng do giữa ông và bà không có một biện pháp nào để khắc phục, qua một thời gian dài tình cảm giữa hai người trở nên lợt lạt và cuối cùng không còn nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Y và ông C trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y.

[3]. Về con chung: Bà Y trình bày không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y trình bày trong thời kỳ hôn nhân ông, bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn là người có đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như Y được ly hôn ông Quách Huy C.
- 2/. Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 3/. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Y trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 4/. Về án phí: Bà Lê Thị Như Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0001963 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Như vậy bà Y đã nộp xong số tiền 300.000đ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPS;
- Thi hành án DS - TPS;
- UBND phường B – TPS
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định